

THÀNH ỦY ĐÀ NẴNG
ỦY BAN KIỂM TRA

*

Số -CV/UBKTTU

Thực hiện việc kê khai, công khai
và kiểm soát tài sản, thu nhập

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày tháng 12 năm 2025

Kính gửi: - Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và
các tổ chức chính trị - xã hội thành phố,
- Các sở, ban, ngành thành phố,
- Các đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

Căn cứ Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng⁽¹⁾; Quy định số 377-QĐ/TW ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ và trong thời gian chờ Trung ương, Thành ủy điều chỉnh các quy chế, quy định, hướng dẫn có liên quan; để đảm bảo các quy định của Đảng, phát luật của Nhà nước về việc kê khai, công khai và kiểm soát tài sản, thu nhập, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện các nội dung sau:

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, chặt chẽ các quy định, kết luận, hướng dẫn của Đảng, Nhà nước về việc kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập. Cụ thể: **(1)** Kết luận số 105-KL/TW ngày 04/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; **(2)** Khoản 5 Điều 7 Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; **(3)** Tiết 4.3.9, Điểm 4.3, Mục 4, Phần II Hướng dẫn số 08-HD/TW ngày 10/6/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng thực hiện một số nội dung Quy định số 296-QĐ/TW (*sau đây viết tắt là Hướng dẫn số 08-HD/UBKTTW*); **(4)** Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (*sau đây viết tắt là Quy chế phối hợp số 56-QĐ/TW*); **(5)** Luật Phòng,

⁽¹⁾ - Tại Khoản 12, Điều 3 Quy định số 296-QĐ/TW quy định: “Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập là ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên”.

- Tại Mục 5.2, Khoản 5, Điều 7 Quy định số 296-QĐ/TW quy định: “Thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập: Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên có thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập, quyết định xác minh tài sản, thu nhập của đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và đảng viên chuyên trách công tác đảng hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy”.

chống tham nhũng năm 2018; **(6)** Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (*sau đây viết tắt là Nghị định số 130/2020/NĐ-CP*).

2. Lãnh đạo tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 theo đúng Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

2.1. Xây dựng Kế hoạch thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 của người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

2.2. Lập danh sách (ban hành kèm theo Kế hoạch tại mục 2.1) những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP; trên cơ sở đó, yêu cầu thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2025, gồm: Kê khai hằng năm, kê khai bổ sung và kê khai lần đầu (nếu có).

2.3. Hướng dẫn người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo đúng mẫu quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và gửi bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền quản lý, sử dụng.

2.4. Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai.

2.5. Việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 hoàn thành **trước ngày 31/12/2025** theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

3. Lãnh đạo việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 4 Quy chế phối hợp số 56-QĐ/TW và Điều 38 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Cụ thể:

3.1. Người có nghĩa vụ kê khai nộp bản kê khai tài sản, thu nhập của mình cho đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan nơi mình công tác.

3.2. Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng do cấp thẩm quyền quyết định.

3.3. Đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ có trách nhiệm nộp 01 bản kê khai (bản gốc) trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền được quy định tại Khoản 5, Điều 7 Quy định số 296-QĐ/TW và Tiết 4.3.9, Điểm 4.3, Mục 4, Phần II Hướng dẫn số 08-HD/UBKTTW.

3.4. Đối với những người có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy⁽²⁾, đề nghị cấp ủy, cơ quan, đơn vị chỉ đạo: Bàn giao bản kê khai (bản gốc) kèm theo danh sách người có nghĩa vụ kê khai (kê khai hằng năm, kê khai bổ sung, kê khai lần đầu) trong năm 2025 và biên bản bàn giao về Ủy ban Kiểm tra Thành ủy chậm nhất **trong ngày 31/01/2026**.

3.5. Đối với những người có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Thanh tra thành phố, đề nghị cấp ủy, cơ quan, đơn vị chỉ đạo thực hiện theo Công văn số 1624/TTTP-PCTN ngày 11/12/2025 của Thanh tra thành phố.

4. Lãnh đạo việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

5. Chỉ đạo ủy ban kiểm tra đảng ủy (cấp trên trực tiếp cơ sở) thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Khoản 5, Điều 7 Quy định số 296-QĐ/TW; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và Tiết 4.3.9, Điểm 4.3, Mục 4, Phần II Hướng dẫn số 08-HD/TW.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có văn bản mới của Trung ương, Thành ủy thay thế hoặc điều chỉnh các nội dung có liên quan, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy sẽ điều chỉnh, hướng dẫn nội dung thực hiện cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Như trên,
- UBKT Trung ương (để b/c),
- Vụ Địa bàn V, CQ UBKTTW (để b/c),
- Thường trực Thành ủy (để b/c),
- UBKT các đảng ủy trực thuộc TU,
- Thành viên UBKTTU,
- Các PNV và VP CQ UBKTTU,
- Lưu CQ UBKTTU.

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM**

Nguyễn Đức Tiến

⁽²⁾ Đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (theo Quy định số 430-QĐ/TU ngày 17/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ) và đảng viên chuyên trách công tác đảng hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy được quy định tại Khoản 5, Điều 7 Quy định số 296-QĐ/TW và Tiết 4.3.9, Điểm 4.3, Mục 4, Phần II Hướng dẫn số 08-HD/UBKTTU.